TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2025
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, tỉnh An G.

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Minh Cường A, xã U Minh Th, tỉnh An G.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Minh C trình bày*:**

Về hôn nhân: Anh Lê Minh C, chị Lâm Thị N *(Gọi tắt là anh C, chị N)* chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị N có quan hệ tình

cảm với một người đàn ông khác, nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành, nên sống ly thân từ ngày 28/02/2025 đến nay. Nhận thấy, cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh C, chị N có 02 người con chung Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 13/01/2017, giới tính nữ và Lê Hoàng Tuấn Kiệt, sinh ngày 05/8/2022, giới tính nam. Hiện các con đang sống với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh C, chị N không có tài sản chung. Anh C và chị N có nợ ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam *(Gọi tắt là Ngân hàng)* số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), vay để trị bệnh cho cha ruột chị N và sửa nhà của vợ chồng. Anh C yêu cầu chia đôi số nợ với chị N. Ngày 29/8/2025 anh C rút lại yêu cầu về nợ chung đối với số tiền 75.000.000 đồng để anh C, chị N và ngân hàng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thống nhất ly hôn với anh C, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh C cho rằng chị ly thân bỏ nhà đi là có quan hệ tình cảm với một người đàn ông khác là không đúng, chị bỏ nhà đi là do vợ chồng không còn tình cảm, nên chị đi làm thuê kiếm tiền nuôi con.

Về con chung: Anh C, chị N có 02 người con chung Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 13/01/2017, giới tính nữ và Lê Hoàng Tuấn Kiệt, sinh ngày 05/8/2022, giới tính nam (Hiện các con đang sống với anh C). Khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị N, anh C không có tài sản chung.

Nợ chung: Chị N, anh C có nợ ngân hàng số tiền 75.000.000 đồng, chị N tự thỏa thuận với anh Cảnh, ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa: Anh C, chị N thống nhất ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp; giao con chung Lê Thị Anh Thư, Lê Hoàng Tuấn Kiệt cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh C, chị N không có, còn về nợ giữa anh C, chị N và đại diện ngân hàng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung của vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngoài yêu cầu ly hôn, nuôi con và tài sản chung, anh C còn yêu cầu chia nợ chung với chị N đối với khoản vay ngân hàng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số: HDTD79A202400319 ngày 20/9/2024 với số tiền 75.000.000 đồng. Đại diện ngân hàng ông Trần Văn P cung cấp tính đến ngày 28/8/2025 anh C còn nợ ngân hàng số tiền 21.428.000 đồng (Trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi 1.428.000 đồng). Do anh C chưa vi phạm hợp đồng tín dụng, nên phần nợ ngân hàng tự thỏa thuận với đương sự, không yêu cầu Tòa án xem xét, đồng thời ông P xin từ chối tham gia tố tụng. Xét thấy, các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau, đại diện ngân hàng xin từ chối tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật, nên HĐXX ghi nhận. Sau này các bên không thỏa thuận được thì ngân hàng có quyền khởi kiện lại trong một vụ án dân sự khác. Do vậy, Tòa án không đưa ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

HĐXX ghi nhận ý kiến của anh C về việc xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đối với nợ ngân hàng số tiền 75.000.000 đồng, để đình chỉ theo quy định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh C và chị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh C, chị N chung sống với nhau được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và tình trạng hôn nhân của anh, chị cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng. Tại phiên hòa giải ngày 29/8/2025 và tại phiên Tòa chị N, anh C thuận tình ly hôn nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên HĐXX căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh C và chị N.

Về con chung: Anh C, chị N có 02 người con chung Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 13/01/2017 và Lê Hoàng Tuấn Kiệt, sinh ngày 05/8/2022. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N đồng ý giao các con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu

Thư có nguyện vọng được sống với anh C khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, hiện cháu Thư, cháu Kiệt đang sống với anh C được anh cho đi học và chăm sóc, phát triển tốt như những trẻ em cùng trang lứa, các cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên anh C. HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất giao các con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh C, chị N xác định không có tài sản chung.

Về nợ anh C, chị N có nợ ngân hàng Lộc Phát Việt Nam tính đến ngày 28/8/2025 với số tiền 21.428.000 đồng, thì giữa anh C, chị N và đại diện ngân hàng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217 khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của anh Lê Minh C về việc yêu cầu chia nợ chung với chị Lâm Thị N đối với số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Minh C và chị Lâm Thị N.

3. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Anh Thư, sinh ngày 13/01/2017 và Lê Hoàng Tuấn Kiệt, sinh ngày 05/8/2022 (Hiện các con đang sống với anh C) cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh C không yêu cầu.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung: Anh C, chị N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu xem xét nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Anh C, chị N và đại điện Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Minh C phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000315 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh C đã thực hiện xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng